TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30** /2017/DS-ST
Ngày: 16 - 8 - 2017
V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà T và ông H.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM- TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường** - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

2. Ông **Phan Trung Thành**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 06/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn:*** Bà **Trần Hồ Thanh T** Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Số 133, Tổ 6, Khu phố 6, Phường 4, Thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

1. Ông **Võ Tấn L** Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số 42A/3, Khu phố Long Điềm, phường Long Bình Tân, Thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Đào Nguyễn Hương D** Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số 08D, đường Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận G, Thành phố H.

(*Văn bản ủy quyền lập ngày 04 tháng 01 năm 2017)*

**** Bị đơn:*** Ông **Ngô Quang H** Sinh năm: 1959

Địa chỉ: Thôn 4- xã Lộc Thành- huyện B- tỉnh Lâm Đồng.

(*Ông L và bà D có đơn xin xét xử vắng mặt;*

Ông H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 01 năm 2017 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Tấn L trình bày:

Do có quen biết với nhau nên vào ngày 31/6/2016 ông H vay của bà T số tiền 2.868.000.000đ. Ngày 30/12/2016 ông H tiếp tục vay của bà T số tiền 532.000.000đ. Cả hai lần vay đều viết giấy nhận nợ và ông H cam kết sẽ trả cho bà T trong thời gian sớm nhất nhưng ông H cũng không trả. Sau nhiều lần nhắc nhở và đề nghị ông H trả nợ nhưng ông H không trả tiền, thậm chí còn không có thiện chí trả nợ.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền còn nợ là 3.400.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Ngô Quang H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của ông Ngô Quang H.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Tấn L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông H. Buộc ông H phải trả cho bà T tổng số tiền là 3.610.709.000đ; Buộc đương sự phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Bà Trần Hồ Thanh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản với ông Ngô Quang H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Tấn L và bà Đào Nguyễn Hương D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ngô Quang H vắng mặt lần thứ hai. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử

vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Quang H, ông Võ Tấn L, bà Đào Nguyễn Hương D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Vào ngày 31/6/2016 và ngày 30/12/2016 ông H có vay tiền của bà T 02 lần với số tiền tổng cộng là 3.400.000.000đ. Cả hai lần vay ông H đều viết giấy nhận nợ và ông H cam kết sẽ trả cho bà T trong thời gian sớm nhất nhưng sau nhiều lần nhắc nhở và đề nghị ông H trả nợ nhưng ông H vẫn không trả nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp được kiểm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có thể khẳng định việc ông H có vay tiền và còn nợ của bà T số tiền gốc là 3.400.000.000đ là có thật nhưng đến nay chưa trả. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả toàn bộ số tiền nợ trên là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào 02 giấy biên nhận mà ông H đã viết cho bà T thì hai bên không thỏa thuận về mức lãi suất vay cũng như thời hạn cho vay. Như vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, cần chấp nhận mức lãi suất là (20%/năm x 50%) : 12 tháng = 0,83%/tháng và thời hạn tính lãi kể từ ngày khởi kiện 03/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (07 tháng 14 ngày) là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền lãi được tính là 3.400.000.000đ x 0,83%/tháng x 07 tháng 14 ngày = 210.709.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hồi đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T; buộc ông H phải có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền là 3.610.709.000đ, trong đó tiền gốc là 3.400.000.000đ; tiền lãi là 210.709.000đ.

- Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, bị đơn ông H phải chịu án DSST theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: 72.000.000đ + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 2.000.000.000đ = 104.214.180đ.

Bà T không phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*".

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồ Thanh T đối với ông Ngô Quang H về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*";

Buộc ông Ngô Quang H phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Hồ Thanh T tổng số tiền là 3.610.709.000đ (*Ba tỷ sáu trăm mười triệu bảy trăm lẻ chín ngàn đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 3.400.000.000đ; Tiền lãi là 210.709.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Về án phí: Ông Ngô Quang H phải chịu 104.214.180đ (*Một trăm lẻ bốn triệu hai trăm mười bốn ngàn một trăm tám mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Hồ Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Trần Hồ Thanh T được nhận lại số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004562 ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Đức Trường